

của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan, người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp phải tháo dỡ công trình xây dựng.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này của các tổ chức, cá nhân khác theo các quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998.

3. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 39. Xử lý vi phạm.

1. Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong Nghị định này mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính nếu có hành vi cản trở, chống đối người thi hành công vụ có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, xử phạt hoặc cố tình trì hoãn, trốn tránh thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 41. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Cảnh sát biển chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 37/1999
NĐ-CP ngày 15/6/1999 về việc thành
lập thị trấn huyện lỵ các huyện
Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam,
Đức Linh, Tánh Linh, tỉnh Bình
Thuận.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập thị trấn huyện lỵ các huyện Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Đức Linh, Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Thành lập thị trấn Ma Lâm, thị trấn huyện lỵ huyện Hàm Thuận Bắc trên cơ sở toàn bộ diện tích, dân số của xã Ma Lâm.

Thị trấn Ma Lâm có 1.550 ha diện tích tự nhiên và 11.890 nhân khẩu.

2. Thành lập thị trấn Thuận Nam, thị trấn huyện lỵ huyện Hàm Thuận Nam trên cơ sở 2.870,3 ha diện tích tự nhiên và 10.936 nhân khẩu của xã Tân Lập.

Địa giới hành chính thị trấn Thuận Nam: Đông giáp xã Hàm Minh; Tây và Bắc giáp xã Tân Lập; Nam giáp xã Tân Thuận.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Tân Lập có 13.469,3 ha diện tích tự nhiên và 7.083 nhân khẩu.

3. Thành lập thị trấn Võ Xu, thị trấn huyện lỵ huyện Đức Linh trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Võ Xu.

Thị trấn Võ Xu có 2.765 ha diện tích tự nhiên và 15.833 nhân khẩu.

4. Thành lập thị trấn Đức Tài thuộc huyện Đức Linh trên cơ sở 3.081,3 ha diện tích tự nhiên và 17.920 nhân khẩu của xã Đức Tài.

Sáp nhập 1.700 ha diện tích tự nhiên còn lại của xã Đức Tài vào xã Đức Hạnh. Sau khi điều chỉnh, xã Đức Hạnh có 7.420 ha diện tích tự nhiên và 16.328 nhân khẩu.

5. Thành lập thị trấn Lạc Tánh, thị trấn huyện lỵ huyện Tánh Linh:

a) Điều chỉnh 56 ha diện tích tự nhiên và 1.024

nhân khẩu của xã Đức Thuận vào xã Lạc Tánh. Sau khi điều chỉnh, xã Lạc Tánh có 10.437 ha diện tích tự nhiên và 13.272 nhân khẩu.

b) Điều chỉnh 3.034 ha diện tích tự nhiên của xã Lạc Tánh vào xã Đức Thuận. Sau khi điều chỉnh, xã Đức Thuận có 15.659 ha diện tích tự nhiên và 4.691 nhân khẩu.

c) Điều chỉnh 1.140 ha diện tích tự nhiên của xã Lạc Tánh vào xã Gia Huynh. Sau khi điều chỉnh, xã Gia Huynh có 16.343 ha diện tích tự nhiên và 2.936 nhân khẩu.

d) Điều chỉnh 2.447 ha diện tích tự nhiên của xã Lạc Tánh vào xã Gia An. Sau khi điều chỉnh, xã Gia An có 12.782 ha diện tích tự nhiên và 2.936 nhân khẩu.

đ) Thành lập thị trấn Lạc Tánh, thị trấn huyện lỵ huyện Tánh Linh trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Lạc Tánh.

Thị trấn Lạc Tánh có 3.816 ha diện tích tự nhiên và 13.272 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Lạc Tánh: Đông giáp các xã Đồng Kho, Đức Thuận, Đức Bình; Tây giáp xã Gia An và xã Gia Huynh; Nam giáp xã Gia Huynh; Bắc giáp xã Huy Khiêm.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. /.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI